

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2018.

V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân Hậu.
2. Bà Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Dương - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị R, sinh năm: 1984

ĐKHKTT: Thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn L, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm: 1980

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1946

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn:

Bà Đinh Thị Thu Trang – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên toà; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2017, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn: Chị Đỗ Thị R trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Trần Văn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thành phố T ngày 27/9/2010. Ngay sau khi kết hôn chị đã phát hiện ra anh C có những biểu hiện không bình thường, hay nói linh tinh, nhiều lúc không làm chủ được bản thân đập phá đồ đạc. Sau đó gia đình đã đưa anh C đi khám bệnh và Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình đã kết luận anh C bị bệnh tâm thần phải thường xuyên uống thuốc và điều trị ngoại trú, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Do không hạnh phúc nên sau khi sinh con được 02 ngày, ngày 30/10/2011 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã V, thành phố T sinh sống cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, bản thân anh C và gia đình không quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc mẹ con chị. Nay chị xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn C.

Tuy anh Trần Văn C bị bệnh tâm thần đang phải dùng thuốc tại Trạm y tế xã V, thành phố T nhưng chị đề nghị Tòa án không tiến hành trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với anh C và không tuyên bố anh C bị mất năng lực hành vi dân sự.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn C có một con chung là Trần Mạnh N, sinh ngày 28/10/2011, hiện nay con đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Mạnh N, không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh C không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bị đơn, anh Trần Văn C trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị R tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2010 tại UBND xã V, thành phố T. Sau khi kết hôn thì anh phát bệnh tâm thần, thỉnh thoảng bị hoang tưởng, hay nói linh tinh, đập phá đồ đạc. Gia đình đã đưa anh đi khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình, bệnh viện kết

luận anh bị bệnh tâm thần phân liệt, sau khi xuất viện hàng ngày phải uống thuốc. Mâu thuẫn vợ chồng như chị R trình bày là đúng, chị R xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Anh và chị Đỗ Thị R có một con chung là Trần Mạnh N, sinh ngày 28/10/2011, hiện nay con đang ở cùng chị R. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Mạnh N, yêu cầu chị R cấp dưỡng cho con 500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Khi bệnh ổn định anh đi làm bình thường, nghề nghiệp chính là làm ruộng, thỉnh thoảng anh đi làm thợ xây, thu nhập 180.000đ/ngày, anh đang ở cùng bố mẹ đẻ nên bố mẹ anh sẽ trợ giúp anh trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con khi anh bị bệnh.

Anh và chị Đỗ Thị R không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bà Trần Thị H (là mẹ đẻ của anh Trần Văn C) trình bày:

Từ khi anh Trần Văn C kết hôn với chị Đỗ Thị R thì chị R đối xử với gia đình bà không tốt, không đúng với đạo đức của người con dâu. Khi chị R sinh con gia đình bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai mẹ con. Sau một thời gian anh C bỏ đi chị R đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đến nay, thỉnh thoảng bà và anh C đến thăm cháu. Chị R xin ly hôn anh C không báo cáo với gia đình bà mà tự ý nộp đơn đến Tòa án là không được. Vì vậy, bà không có ý kiến gì về việc chị R xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Văn C và chị Đỗ Thị R có một con chung là Trần Mạnh N, sinh ngày 28/10/2011, hiện nay con đang ở cùng chị R. Bà đề nghị Tòa án giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị R phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con, bà và gia đình sẽ hỗ trợ anh C trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Anh C và chị R không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay.

Tuy anh C bị bệnh tâm thần đang phải dùng thuốc tại Trạm y tế xã V, thành phố T nhưng bà không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với anh C và không tuyên bố anh C bị mất năng lực hành vi dân sự. Bà đồng ý là người đại diện cho anh C tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng do tuổi cao, sức khỏe yếu, đi lại khó khăn nên bà đề nghị Tòa án cử Trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C.

*) Đại diện Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình cung cấp thông tin như sau:

Bệnh nhân Trần Văn C điều trị nội trú liên tục, nhiều lần tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình từ năm 2010 cho đến nay. Lần đầu từ ngày 14/10/2010

đến ngày 20/10/2010 ra viện và được cấp sổ điều trị ngoại trú với chẩn đoán là tâm thần phân liệt. Lần điều trị gần đây nhất là từ ngày 27/10/2017 đến ngày 17/11/2017 với chẩn đoán tâm thần phân liệt thể không biệt định (F20.3). Bệnh tâm thần phân liệt là một bệnh tâm thần mãn tính, tiến triển và tái phát liên tục kéo dài suốt cuộc đời người bệnh. Bệnh không thể chữa khỏi được, chỉ tạm thời ổn định và người bệnh được quản lý và điều trị theo thủ tục điều trị ngoại trú tại trạm y tế xã. Người bị bệnh tâm thần phân liệt có lời nói, cảm xúc, hành vi bất thường, không làm chủ được bản thân, giai đoạn tái phát nặng, có cơn kích động, xung động cảm xúc và hành vi gây nguy hiểm đến bản thân và những người xung quanh.

*) Đại diện Trạm y tế xã V, thành phố T cung cấp thông tin như sau:

Anh Trần Văn C bị bệnh tâm thần phân liệt theo kết luận của Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình từ năm 2010. Trạm y tế xã V, thành phố T là đơn vị quản lý, theo dõi và cấp phát thuốc hàng tháng cho anh C theo chỉ định của Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình. Anh C sử dụng thuốc do Trạm y tế xã cấp phát thường xuyên hàng tháng từ năm 2010 đến nay (trừ năm 2012).

*) Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị Đỗ Thị R, cụ thể:

- Xử cho chị Đỗ Thị R được ly hôn anh Trần Văn C.

- Xử giao con Trần Mạnh N, sinh ngày 28/10/2011 cho chị Đỗ Thị R trực tiếp nuôi dưỡng, chị R không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

- Không đặt ra giải quyết về tài sản.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 147; 203; 227; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

- + Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị R được ly hôn anh Trần Văn C.

- + Về con chung: Xử giao con Trần Mạnh N, sinh ngày 28/10/2011 cho chị Đỗ Thị R trực tiếp nuôi dưỡng, chị R không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

- + Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị R và anh Trần Văn C không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

- + Chị Đỗ Thị R phải chịu án phí theo quy định.
- + Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng Nguyên đơn là chị Đỗ Thị R, bị đơn là anh Trần Văn C, đại diện cho bị đơn là bà Trần Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị R và anh Trần Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh C bị bệnh tâm thần phải điều trị liên tục tại bệnh viện dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc. Ngày 30/10/2011, chị R đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị R và anh C ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh C bị bệnh tâm thần phân liệt, những khi bệnh tái phát nặng có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng cho những người xung quanh. Do đó cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đỗ Thị R được ly hôn anh Trần Văn C là đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị R và anh Trần Văn C có một con chung là Trần Mạnh N, sinh ngày 28/10/2011, hiện nay con đang ở cùng chị R. Ly hôn, cả chị R và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử thấy: Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì chị R đã nuôi dưỡng và chăm sóc con chu đáo, cuộc sống của con đang ổn định, anh C bị bệnh tâm thần phân liệt nên việc làm và thu nhập không ổn định, không thể đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con được. Hơn nữa, con còn nhỏ tuổi rất cần sự chăm sóc của chị R nên cần xử giao con Trần Mạnh N, sinh ngày 28/10/2011 cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng, chị R không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C.

[4] Về tài sản: Chị Đỗ Thị R và anh Trần Văn C không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị R phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự, người đại diện hợp pháp của bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều: 147; 203; 227; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị R được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Xử giao con Trần Mạnh N, sinh ngày 28/10/2011 cho chị Đỗ Thị R trực tiếp nuôi dưỡng, chị R không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con.

Chị R và anh C có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Đỗ Thị R phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị R đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0006739 ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự và người đại diện hợp pháp của bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND xã V, TP.T;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn;
- Người BVQ&LIHP của bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái